

MINH HẠ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM FWD BỘ ĐÔI TÀI SẢN

Điểm tựa bảo vệ



Nhận 100% STBH và Toàn bộ giá trị quỹ hợp đồng trong trường hợp tử vong hoặc TTTBVV



Số tiền bảo hiểm tự động tăng 15% mỗi 3 năm mà không tăng phí và không cần thăm định sức khỏe, giúp giá trị bảo vệ luôn tăng trưởng theo thời gian



Linh hoạt đính kèm Sản phẩm bổ trợ để gia tăng bảo vệ cho bạn và gia đình



Tiên phong trên thị trường với **danh mục cổ phiếu được lựa chọn chuyên biệt theo ngành**



Linh hoạt thiết kế danh mục theo nhu cầu và **dễ dàng điều chỉnh kế hoạch** đầu tư hoàn toàn trực tuyến



An tâm **đầu tư** và **tiết kiệm thời gian** với **đội ngũ chuyên gia** giàu kinh nghiệm



Gia tăng giá trị hợp đồng theo thời gian với **Thưởng duy trì hợp đồng** định kì và **Thưởng duy trì hợp đồng** đặc biệt

Lợi thế đầu tư



1. TÓM TẮT QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH

	Tóm tắt quyền lợi	Chi tiết quyền lợi
Quyền lợi bảo vệ	 Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Tổng của: - Số tiền bảo hiểm tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm; và - Toàn bộ Giá trị quỹ hợp đồng.
	 Tử vong	
Quyền lợi đầu tư	 Tận hưởng lợi thế đầu tư từ Quỹ liên kết đơn vị FWD	- Các quỹ được chọn lọc tinh gọn, dễ hiểu, mà vẫn cho phép khách hàng linh hoạt thiết kế theo nhu cầu Danh mục cổ phiếu được lựa chọn đầu tư chuyên biệt theo ngành - Đầu tư dễ dàng với các nhà đầu tư chuyên nghiệp Linh hoạt điều chỉnh kế hoạch đầu tư bất kỳ lúc nào hoàn toàn trực tuyến
	 Quyền lợi khi kết thúc Thời hạn hợp đồng	
Quyền lợi cộng thêm	 Thường duy trì hợp đồng định kỳ	- Mỗi 3 năm từ Năm 3 tới Năm 18, thưởng thêm số tiền bằng Tỷ lệ thưởng (%) nhân với giá trị bình quân của Tài khoản bảo hiểm trong 36 tháng liên tiếp gần nhất. - Tỷ lệ thưởng (%) chi tiết cho từng giai đoạn xét thưởng theo bảng sau:
	 Thường duy trì hợp đồng đặc biệt	Vào cuối năm 20, thưởng thêm số tiền bằng 05 lần Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của Năm hợp đồng đầu tiên.
	 Tăng Số tiền bảo hiểm tự động không cần thẩm định sức khỏe	Tăng Số tiền bảo hiểm tự động với mức tăng thêm bằng 15% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm tham gia mỗi 3 năm từ Năm 4 đến Năm 19.
	 Đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng	Trong 3 năm hợp đồng đầu tiên, hợp đồng được đảm bảo duy trì hiệu lực trong trường hợp Tài khoản bảo hiểm không đủ để chi trả Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.
		Điều kiện: Trong mỗi giai đoạn xét thưởng, các điều kiện sau cần được đáp ứng: (i). Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi Năm hợp đồng được đóng đầy đủ trong Năm hợp đồng; và (ii). Hợp đồng có hiệu lực trong suốt giai đoạn xét thưởng và tại thời điểm trả thưởng; và (iii). Quý khách không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm.
		Điều kiện: Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn và Quý khách không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

2. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Thông Tin Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ FWD Việt Nam

Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ FWD Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính. Giấy phép thành lập và hoạt động số 47GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 23/11/2007, giấy phép thay đổi tên công ty số 47/GPĐC9/KDBH cấp ngày 01/09/2016 và các giấy phép điều chỉnh khác. Vốn điều lệ: 13.937 tỉ đồng (03/2020). Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam; Điện thoại : (+84) 28 6256 3688.

THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Họ và tên: CTY BHNT FWD VIETNAM

Mã số: 08910003

Số điện thoại: 0906252148

Văn phòng: Agency Head Office

THÔNG TIN BÊN MUA BẢO HIỂM

Họ và tên: NGUYỄN MINH PHÚ

Tuổi: 30

Giới tính: Nam

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH

Họ và tên: NGUYỄN MINH PHÚ

Tuổi: 30

Giới tính: Nam

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Minh họa số: 118902000065

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

3. THÔNG TIN SẢN PHẨM

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Thời hạn đóng phí (dự kiến)	Thời hạn bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm hàng năm
SẢN PHẨM CHÍNH								
FWD Bộ đôi tài sản	NGUYỄN MINH PHÚ	30	Nam	1	20 năm	50 năm	1.000.000.000	26.950.000
SẢN PHẨM BỔ TRỢ								
FWD CARE Bảo hiểm tai nạn	NGUYỄN MINH PHÚ	30	Nam	1	40 năm	40 năm	300.000.000	1.212.000
FWD CARE Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo 2.0	NGUYỄN MINH PHÚ	30	Nam	1	40 năm	40 năm	300.000.000	1.314.000

Phí bảo hiểm	Năm	Nửa năm	Quý
- Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính	26.950.000	13.475.000	-
- Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ trợ	2.526.000	1.327.000	-
Tổng phí bảo hiểm định kỳ	29.476.000	14.802.000	-

Khoản đầu tư thêm dự kiến (i) :

-

Ghi chú:

(i) Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ trợ (SPBT) cần được đóng đầy đủ khi đến hạn trong suốt Thời hạn bảo hiểm của SPBT. Các SPBT sẽ mất hiệu lực trong trường hợp Quý khách chưa đóng đủ Phí bảo hiểm của các SPBT sau thời gian gia hạn đóng phí.

(ii) Đây là Khoản đầu tư thêm dự kiến cho năm đầu. Khoản đầu tư thêm các năm sau, nếu có, được thể hiện trong minh họa quyền lợi đầu tư của sản phẩm chính.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

4. CÁCH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA SẢN PHẨM CHÍNH



Ghi chú:

- Phí bảo hiểm cơ bản là khoản phí bảo hiểm của sản phẩm chính được xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, tuổi và giới tính của NĐBH tại thời điểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.

Phí bảo hiểm cơ bản cần được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 3 năm hợp đồng đầu tiên để đảm bảo hợp đồng có hiệu lực. Kể từ năm hợp đồng thứ 4, Quý khách có thể đóng phí linh hoạt theo nhu cầu tài chính, tuy nhiên Quý khách nên tiếp tục đóng phí đều đặn như dự kiến để đảm bảo thực hiện kế hoạch tài chính.

- Khoản đầu tư thêm là khoản tiền được đóng thêm vào hợp đồng sau khi đã đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ và Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ trợ theo định kỳ, nếu có. Mức tối đa của Khoản đầu tư thêm trong mỗi năm hợp đồng hiện tại Công ty quy định là 10 lần Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của năm hợp đồng đầu tiên
- Quý khách có thể chọn một hoặc kết hợp nhiều Quỹ liên kết đơn vị nhằm đáp ứng tốt mục tiêu đầu tư và bảo vệ của mình.

5. PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Sau khi khấu trừ Phí ban đầu, Phí bảo hiểm cơ bản và Khoản đầu tư thêm, nếu có, được phân bổ vào (các) Quỹ liên kết đơn vị theo tỷ lệ do Quý khách lựa chọn, cụ thể như sau:

Quỹ liên kết đơn vị	Quỹ năng động	Quỹ cân bằng	Quỹ ổn định
Tỷ lệ phân bổ Phí bảo hiểm cơ bản	60%	40%	0%
Tỷ lệ phân bổ Khoản đầu tư thêm	0%	0%	0%

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

5. PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ vào từng Quỹ			Phí bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính	Phí quản lý hợp đồng
	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí đã đóng		Quỹ năng động	Quỹ cân bằng	Quỹ ổn định		
	(1)	(2)	(3)=(1)+(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/31	26.950	-	26.950	22.908	2.426	1.617	-	1.320	396
2/32	26.950	-	26.950	17.518	5.660	3.773	-	1.280	432
3/33	26.950	-	26.950	6.738	12.128	8.085	-	1.280	468
4/34	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	1.541	504
5/35	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	1.633	540
6/36	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	1.794	576
7/37	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	2.275	612
8/38	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	2.587	648
9/39	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	2.938	684
10/40	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	3.741	720
11/41	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	4.248	720
12/42	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	4.785	720
13/43	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	5.952	720
14/44	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	6.640	720
15/45	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	7.328	720
16/46	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	8.838	720
17/47	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	9.660	720
18/48	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	10.500	720
19/49	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	12.331	720
20/50	26.950	-	26.950	-	16.170	10.780	-	13.300	720

Ghi chú:

- Tổng phí bảo hiểm được phân bổ = Tổng phí bảo hiểm đã đóng – Phí ban đầu (*tham khảo chi tiết các loại phí tại mục 8.3*)
- Phí bảo hiểm rủi ro được trình bày trong bảng minh họa tính cho người có sức khỏe chuẩn theo quy định của FWD.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

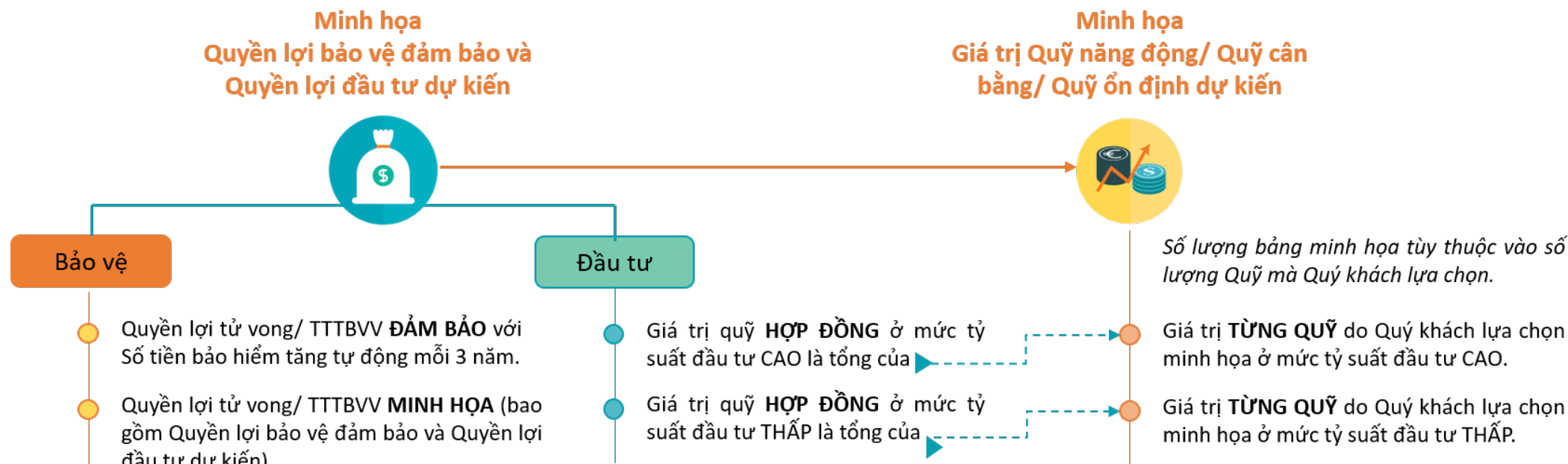
Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Minh họa số: 118902000065

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

6. MINH HẠ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

❖ Phần 6 sẽ minh họa các quyền lợi của sản phẩm chính bao gồm các nội dung chính như sau:



❖ Mức tỷ suất đầu tư dự kiến được dùng để minh họa cho từng Quỹ như sau:

Mức tỷ suất đầu tư	Quỹ năng động	Quỹ cân bằng	Quỹ ổn định
Thấp (%)	1,00%	2,30%	3,00%
Cao (%)	9,00%	7,95%	6,00%

Mức tỷ suất đầu tư thực tế từ hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị có thể cao hoặc thấp hơn mức tỷ suất đầu tư dự kiến dùng để minh họa và không được đảm bảo.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

6. MINH HẠ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH – QUYỀN LỢI BẢO VỆ ĐẢM BẢO VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Tổng phí bảo hiểm được phân bổ	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV đảm bảo	MINH HẠ QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO(*) (không đảm bảo)						Rút tiền
			Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị quỹ Hợp đồng	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV minh họa	Giá trị hoàn lại	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)	(7)=(2)+(6)	(8)	(9)
1/31	4.043	1.000.000	2.595	-	-	2.595	1.002.595	-	-
2/32	9.433	1.000.000	11.269	-	-	11.269	1.011.269	-	-
3/33	20.213	1.000.000	32.354	-	468	32.822	1.032.822	5.873	-
4/34	26.950	1.150.000	62.763	-	-	62.763	1.212.763	38.508	-
5/35	26.950	1.150.000	95.141	-	-	95.141	1.245.141	73.581	-
6/36	26.950	1.150.000	130.092	-	2.804	132.896	1.282.896	114.031	-
7/37	26.950	1.300.000	170.550	-	-	170.550	1.470.550	154.380	-
8/38	26.950	1.300.000	211.075	-	-	211.075	1.511.075	200.295	-
9/39	26.950	1.300.000	254.679	-	6.173	260.852	1.560.852	255.461	-
10/40	26.950	1.450.000	307.856	-	-	307.856	1.757.856	307.856	-
11/41	26.950	1.450.000	358.371	-	-	358.371	1.808.371	358.371	-
12/42	26.950	1.450.000	412.672	-	20.918	433.590	1.883.590	433.589	-
13/43	26.950	1.600.000	493.136	-	-	493.136	2.093.136	493.136	-
14/44	26.950	1.600.000	557.088	-	-	557.088	2.157.088	557.088	-
15/45	26.950	1.600.000	625.826	-	32.485	658.311	2.258.311	658.310	-
16/46	26.950	1.750.000	734.177	-	-	734.177	2.484.177	734.177	-
17/47	26.950	1.750.000	815.717	-	-	815.717	2.565.717	815.717	-
18/48	26.950	1.750.000	903.406	-	47.538	950.944	2.700.944	950.944	-
19/49	26.950	1.900.000	1.048.353	-	-	1.048.353	2.948.353	1.048.353	-
20/50	26.950	1.900.000	1.153.147	-	134.750	1.287.897	3.187.897	1.287.897	-

(*) Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao được tính toán dựa trên mức Tỷ suất đầu tư cao của tất cả các Quỹ do Quý khách lựa chọn.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

6. MINH HẠ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH – QUYỀN LỢI BẢO VỆ ĐẢM BẢO VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ DỰ KIẾN (tiếp tục)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm được phân bổ	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV đảm bảo	MINH HẠ QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP(*) (không đảm bảo)						Rút tiền
			Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị quỹ Hợp đồng	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV minh họa	Giá trị hoàn lại	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)	(7)=(2)+(6)	(8)	(9)
1/31	4.043	1.000.000	2.374	-	-	2.374	1.002.374	-	-
2/32	9.433	1.000.000	10.260	-	-	10.260	1.010.260	-	-
3/33	20.213	1.000.000	29.174	-	439	29.613	1.029.613	2.662	-
4/34	26.950	1.150.000	55.362	-	-	55.362	1.205.362	31.107	-
5/35	26.950	1.150.000	81.376	-	-	81.376	1.231.376	59.816	-
6/36	26.950	1.150.000	107.590	-	2.456	110.046	1.260.046	91.181	-
7/37	26.950	1.300.000	136.179	-	-	136.179	1.436.179	120.009	-
8/38	26.950	1.300.000	162.364	-	-	162.364	1.462.364	151.584	-
9/39	26.950	1.300.000	188.562	-	4.882	193.444	1.493.444	188.054	-
10/40	26.950	1.450.000	219.277	-	-	219.277	1.669.277	219.277	-
11/41	26.950	1.450.000	244.999	-	-	244.999	1.694.999	244.999	-
12/42	26.950	1.450.000	270.581	-	14.731	285.312	1.735.312	285.312	-
13/43	26.950	1.600.000	310.340	-	-	310.340	1.910.340	310.340	-
14/44	26.950	1.600.000	335.068	-	-	335.068	1.935.068	335.068	-
15/45	26.950	1.600.000	359.490	-	20.159	379.649	1.979.649	379.649	-
16/46	26.950	1.750.000	403.241	-	-	403.241	2.153.241	403.241	-
17/47	26.950	1.750.000	426.378	-	-	426.378	2.176.378	426.378	-
18/48	26.950	1.750.000	449.035	-	25.678	474.713	2.224.713	474.713	-
19/49	26.950	1.900.000	496.276	-	-	496.276	2.396.276	496.276	-
20/50	26.950	1.900.000	517.207	-	134.750	651.957	2.551.957	651.957	-

(*) Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp được tính toán dựa trên mức Tỷ suất đầu tư thấp của tất cả các Quỹ do Quý khách lựa chọn.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

6. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH - GIÁ TRỊ QUỸ NĂNG ĐỘNG DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm được phân bổ	Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư cao (9,00%) (không đảm bảo)				Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư thấp (1,00%) (không đảm bảo)			
		Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị Quỹ	Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị Quỹ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (2)+(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)+(7)+(8)
1/31	2.426	1.563	-	-	1.563	1.417	-	-	1.417
2/32	5.660	6.793	-	-	6.793	6.118	-	-	6.118
3/33	12.128	19.520	-	281	19.801	17.379	-	263	17.642
4/34	16.170	37.916	-	-	37.916	32.924	-	-	32.924
5/35	16.170	57.578	-	-	57.578	48.286	-	-	48.286
6/36	16.170	78.882	-	1.682	80.564	63.686	-	1.474	65.160
7/37	16.170	103.605	-	-	103.605	80.424	-	-	80.424
8/38	16.170	128.495	-	-	128.495	95.640	-	-	95.640
9/39	16.170	155.373	-	3.704	159.077	110.783	-	2.929	113.712
10/40	16.170	188.167	-	-	188.167	128.544	-	-	128.544
11/41	16.170	219.543	-	-	219.543	143.233	-	-	143.233
12/42	16.170	253.391	-	12.551	265.942	157.761	-	8.839	166.600
13/43	16.170	303.211	-	-	303.211	180.682	-	-	180.682
14/44	16.170	343.379	-	-	343.379	194.513	-	-	194.513
15/45	16.170	386.706	-	19.491	406.197	208.093	-	12.096	220.189
16/46	16.170	454.195	-	-	454.195	233.151	-	-	233.151
17/47	16.170	505.963	-	-	505.963	245.782	-	-	245.782
18/48	16.170	561.826	-	28.523	590.348	258.071	-	15.407	273.478
19/49	16.170	652.606	-	-	652.606	284.988	-	-	284.988
20/50	16.170	719.811	-	80.850	800.661	296.078	-	80.850	376.928

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

6. MINH HẠ QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH – GIÁ TRỊ QUỸ CÂN BẰNG DỰ KIẾN

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ/ tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm được phân bổ	Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư cao (7,95%) (không đảm bảo)				Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư thấp (2,30%) (không đảm bảo)			
		Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thường	Giá trị Quỹ	Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thường	Giá trị Quỹ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(2)+(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)+(7)+(8)
1/31	1.617	1.032	-	-	1.032	957	-	-	957
2/32	3.773	4.476	-	-	4.476	4.142	-	-	4.142
3/33	8.085	12.835	-	187	13.022	11.795	-	176	11.970
4/34	10.780	24.848	-	-	24.848	22.438	-	-	22.438
5/35	10.780	37.563	-	-	37.563	33.090	-	-	33.090
6/36	10.780	51.211	-	1.121	52.332	43.904	-	983	44.887
7/37	10.780	66.945	-	-	66.945	55.755	-	-	55.755
8/38	10.780	82.580	-	-	82.580	66.724	-	-	66.724
9/39	10.780	99.305	-	2.469	101.774	77.780	-	1.953	79.733
10/40	10.780	119.689	-	-	119.689	90.733	-	-	90.733
11/41	10.780	138.828	-	-	138.828	101.766	-	-	101.766
12/42	10.780	159.280	-	8.367	167.647	112.819	-	5.892	118.712
13/43	10.780	189.925	-	-	189.925	129.659	-	-	129.659
14/44	10.780	213.708	-	-	213.708	140.555	-	-	140.555
15/45	10.780	239.119	-	12.994	252.113	151.397	-	8.064	159.460
16/46	10.780	279.981	-	-	279.981	170.090	-	-	170.090
17/47	10.780	309.755	-	-	309.755	180.595	-	-	180.595
18/48	10.780	341.580	-	19.015	360.595	190.964	-	10.271	201.235
19/49	10.780	395.747	-	-	395.747	211.287	-	-	211.287
20/50	10.780	433.336	-	53.900	487.236	221.129	-	53.900	275.029

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

Ghi chú sản phẩm chính:

- Mức tỷ suất đầu tư minh họa của từng Quỹ đã khấu trừ Phí quản lý quỹ tương ứng (*tham khảo chi tiết các loại phí tại mục 8.3.*) để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết đơn vị và giả định là không thay đổi trong suốt Thời hạn hợp đồng.
Giá trị của từng Quỹ liên kết đơn vị được xác định bằng số lượng đơn vị quỹ và giá đơn vị quỹ tại Ngày định giá theo định kỳ tối thiểu 1 lần mỗi tuần. Giá trị quỹ hợp đồng bằng tổng giá trị của từng Quỹ liên kết đơn vị do Quý khách lựa chọn.
- Các khoản thưởng trong Bảng minh họa quyền lợi của sản phẩm chính tại mục 6 sẽ được tự động phân bổ vào Tài khoản bảo hiểm của hợp đồng theo Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm cơ bản đang áp dụng gần nhất.
- Giá trị hoàn lại bằng Tài khoản bảo hiểm tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng (*Quý khách tham chi tiết các loại phí tại mục 8.3*), cộng với Tài khoản đầu tư thêm và trừ đi các khoản nợ, nếu có.
- Quý khách có thể yêu cầu rút một phần tiền từ Giá trị quỹ hợp đồng bất kỳ lúc nào sau thời gian cân nhắc. Các khoản rút tiền sẽ thực hiện theo thứ tự từ Tài khoản đầu tư thêm sau đó đến Tài khoản bảo hiểm.
- Nếu Giá trị quỹ hợp đồng không đủ để chi trả Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng, hợp đồng sẽ mất hiệu lực ngoại trừ trường hợp Hợp đồng đang hưởng quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng trong 3 năm hợp đồng đầu tiên. Quý khách có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng trong vòng 2 năm kể từ ngày hợp đồng mất hiệu lực.
- Các khoản nợ, nếu có, sẽ được FWD khấu trừ trước khi chi trả bất cứ quyền lợi nào.
- Theo quy định của pháp luật, Bảng minh họa quyền lợi này chỉ thể hiện quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trường hợp Quý khách tiếp tục đóng phí để duy trì Hợp đồng thì Giá trị quỹ của hợp đồng vẫn tiếp tục được duy trì và được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư vào Ngày kết thúc thời hạn hợp đồng.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

7. MINH HẠ QUYỀN LỢI BẢO VỆ CỦA SẢN PHẨM BỒ TRỢ

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm	
NGUYỄN MINH PHÚ			
FWD CARE Bảo hiểm tai nạn	Tổn thương hoặc tử vong do tai nạn	Quyền lợi chi tiết được mô tả tại Bảng quyền lợi bảo hiểm - FWD CARE Bảo hiểm tai nạn ở phần sau	
FWD CARE Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo 2.0	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Tối đa 150.000.000/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Chi trả quyền lợi cho tối đa 2 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.
	Bệnh hiểm nghèo	300.000.000	
	Ung thư phổ biến theo giới tính	150.000.000	

QUÝ KHÁCH SẼ NHẬN ĐƯỢC TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51:48

BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM - FWD CARE BẢO HIỂM TAI NẠN

1. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN		1. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN (tiếp theo)	
Sự kiện bảo hiểm	% Số tiền bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	% Số tiền bảo hiểm
A. GẤY XƯƠNG		C. HÒN MỀ	100%
A1. Vỡ xương sọ		D. BÔNG	
Vỡ xương sọ có trải qua can thiệp Phẫu thuật sọ não	30%	D1. Bông độ 3 từ hơn 50% diện tích da	100%
Vỡ xương sọ không trải qua can thiệp Phẫu thuật sọ não	10%	D2. Bông độ 3 từ hơn 20% đến 50% diện tích da	75%
A2. Gãy xương mặt		D3. Bông độ 3 từ 10% đến 20% diện tích da	50%
Gãy xương hàm dưới hoặc xương hàm trên	10%	D4. Bông độ 2 từ hơn 20% diện tích da	25%
Gãy 1 trong các xương mặt khác (trừ xương mũi)	5%	E. THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN	
A3. Cột sống		E1. Cả 2 tay	100%
Vỡ đốt sống có trải qua can thiệp Phẫu thuật cột sống	30%	E2. Cả 2 chân	100%
Vỡ đốt sống không trải qua can thiệp Phẫu thuật cột sống	10%	E3. Thị lực của cả 2 mắt	100%
Gãy xương cột và/hoặc xương cùng	5%	E4. 1 tay và 1 chân	100%
A4. Xương thân: gãy 1 trong các xương		E5. 1 tay hoặc 1 chân và thị lực 1 mắt	100%
Xương đòn; xương chậu ức; xương vai; xương ức; xương sườn	5%	E6. 1 tay hoặc 1 chân	50%
A5. Xương tay: gãy 1 trong các xương		E7. Thính lực của cả 2 tai	50%
Xương cánh tay; xương trụ; xương quay	5%	E8. Thị lực của 1 mắt	50%
Xương cổ tay; xương bàn tay; xương đốt ngón tay	2% (tối đa 5%/ tai nạn)	E9. 2 ngón tay cái	20%
A6. Xương chân: gãy 1 trong các xương		E10. Thính lực của 1 tai	10%
Xương đùi; xương chày	10%	E11. Bất kỳ ngón tay hoặc ngón chân nào	5%
Xương bánh chè; xương mác; xương gót	5%	F. TỬ VONG	
Xương cổ chân; xương bàn chân; xương đốt ngón chân	2% (tối đa 5%/ tai nạn)	F1. Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên phương tiện giao thông đường hàng không	300%
A7. Xương chậu		F2. Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên các phương tiện giao thông công cộng	200%
Gãy xương chậu	20%	F3. Tử vong do Tai nạn khác	100%
B. CHẤN THƯƠNG CƠ QUAN NỘI TẠNG		2. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TĂNG THÊM	
B1. Chấn thương gây thủng, vỡ hoặc hư hỏng các cơ quan nội tạng (tim; phổi; gan; thận; lá lách; tụy; bàng quang; niệu quản; dạ dày; ruột non; ruột già; trực tràng) có trải qua Phẫu thuật ngực/ bụng.	20%	Người được bảo hiểm và vợ/chồng của Người được bảo hiểm đều tử vong do cùng 1 Tai nạn.	Chi trả gấp đôi quyền lợi tử vong ở nhóm F
B2. Trần khí màng phổi và/ hoặc tràn máu màng phổi	10%		

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Ghi chú – Sản phẩm bổ trợ, nếu có:

FWD CARE Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo 2.0: Danh sách Bệnh hiểm nghèo (BHN) được bảo hiểm bởi Sản phẩm bổ trợ này được liệt kê trong danh sách ở phần sau.

- Quyền lợi BHN giai đoạn đầu được chi trả tối đa 2 lần với điều kiện Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc BHN giai đoạn đầu lần thứ 2 khác Loại BHN với BHN giai đoạn đầu đã được Công ty chấp thuận chi trả trước đó ;
- Quyền lợi BHN sẽ được chi trả sau khi trừ đi Quyền lợi BHN giai đoạn đầu thuộc cùng Loại BHN đã chi trả trước đó, nếu có ;
- Quyền lợi Ung thư phổ biến theo giới tính sẽ được chi trả khi Quyền lợi BHN bên trên được chi trả cho bệnh Ung thư giai đoạn sau. Ung thư phổ biến theo giới tính được liệt kê như sau:
 - ✓ Nam: Ung thư gan, Ung thư phổi, Ung thư dạ dày.
 - ✓ Nữ: Ung thư vú, Ung thư cổ tử cung, Ung thư tử cung.
- Trong mọi trường hợp, tổng số tiền chi trả cho tất cả các yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho một Người được bảo hiểm trong suốt Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này được quy định như sau:
 - ✓ Tổng quyền lợi BHN giai đoạn đầu và BHN không vượt quá 150% Số tiền bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này và;
 - ✓ Tổng quyền lợi BHN giai đoạn đầu, BHN và Ung thư phổ biến theo giới tính không vượt quá 200% Số tiền bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này.

FWD CARE Bảo hiểm tai nạn:

- Trường hợp Tổn thương do Tai nạn (bao gồm Gãy xương, Chấn thương cơ quan nội tạng, Hôn mê, Bỏng và Thương tật vĩnh viễn):
 - ✓ Nếu cùng 1 Tai nạn gây ra nhiều Tổn thương khác nhau, Công ty sẽ chi trả quyền lợi cho tất cả các Tổn thương theo quy định tại Bảng quyền lợi bảo hiểm.
 - ✓ Nếu 1 Tai nạn gây ra 1 Tổn thương thì tổng quyền lợi chi trả không vượt quá tỷ lệ % Số tiền bảo hiểm chi trả trong trường hợp có trải qua Phẫu thuật.
 - ✓ Trong mọi trường hợp, tổng quyền lợi tối đa chi trả cho các trường hợp Tổn thương là 100% Số tiền bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ này.
- Trường hợp tử vong do Tai nạn:
 - ✓ Quyền lợi tử vong sẽ trừ đi các quyền lợi đã được chi trả trước đó cho các trường hợp Tổn thương do Tai nạn, nếu có, trước khi
 - chi trả cho quyền lợi tử vong thuộc nhóm F của Quyền lợi bảo hiểm cơ bản; hoặc
 - nhân đôi để chi trả cho Quyền lợi bảo hiểm tăng thêm.
 - ✓ Trong mọi trường hợp, Công ty sẽ chỉ chi trả quyền lợi tử vong do Tai nạn thuộc nhóm F của Quyền lợi bảo hiểm cơ bản hoặc Quyền lợi bảo hiểm tăng thêm.

Tổng số tiền chi trả cho Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho tất cả các sản phẩm mà Người được bảo hiểm tham gia với FWD không vượt quá các giới hạn sau:

- Người được bảo hiểm từ 30 ngày tuổi đến dưới 6 tuổi: 2,5 tỷ đồng.
- Người được bảo hiểm từ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi: 4 tỷ đồng.
- Người được bảo hiểm từ 18 tuổi trở lên: 20 tỷ đồng.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ tham gia để biết thêm chi tiết về quyền lợi.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

THÔNG TIN CẦN BIẾT

8.1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Quỹ liên kết đơn vị được FWD thiết lập với mục tiêu và danh mục đầu tư được trình bày như sau:

Quỹ liên kết đơn vị	Mục tiêu đầu tư	Danh mục đầu tư	Mức độ rủi ro và Lợi nhuận dự kiến
Quỹ năng động	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận trong dài hạn.	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và thị trường giao dịch chứng khoán tập trung (tối thiểu 80%). Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Cao
Quỹ cân bằng	Cân bằng giữa lợi nhuận ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn.	- Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và thị trường giao dịch chứng khoán tập trung (35% - 65%). - Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (35% - 65%). Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Trung bình
Quỹ ổn định	Lợi nhuận ổn định và bảo toàn vốn.	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (tối thiểu 80%). Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Thấp

8.2. ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Tài sản của Quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ.
- Giá đơn vị quỹ là giá của một Đơn vị quỹ khi FWD thực hiện việc mua hoặc bán Đơn vị quỹ. Giá đơn vị quỹ có thể khác nhau theo từng Quỹ. Giá mua Đơn vị quỹ bằng với giá bán Đơn vị quỹ.
- Công ty sẽ xác định Giá đơn vị quỹ tối thiểu 1 lần mỗi tuần (trừ trường hợp lễ tết). Giá Đơn vị quỹ được công bố trên website www.fwd.com và trang FWD dịch vụ trực tuyến <https://e-services.fwd.com.vn>.
- Giá đơn vị quỹ liên kết đơn vị có thể tăng hoặc giảm. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị có thể cho kết quả âm và **KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM**.
- Giá trị của Quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn tổng số Phí bảo hiểm Quý khách đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của các Quỹ liên kết đơn vị mà Quý khách lựa chọn.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

8.3. CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

- **Phí bảo hiểm rủi ro** là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị quỹ hợp đồng bằng cách bán các Đơn vị quỹ để chi trả quyền lợi bảo vệ theo cam kết trong hợp đồng.
- **Phí quản lý hợp đồng** là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị quỹ hợp đồng bằng cách bán các Đơn vị quỹ để chi trả cho việc quản lý, duy trì và cung cấp các dịch vụ liên quan đến hợp đồng. Phí quản lý hợp đồng hiện tại là 33.000 đồng/tháng và mỗi năm tăng 3.000 đồng/tháng cho tới khi đạt mức tối đa là 60.000 đồng/tháng.

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+
Phí quản lý hợp đồng/ tháng	33.000	36.000	39.000	42.000	45.000	48.000	51.000	54.000	57.000	60.000

- **Phí ban đầu** được tính dựa trên % Phí bảo hiểm cơ bản và % Khoản đầu tư thêm tại Năm hợp đồng mà Phí bảo hiểm được phân bổ.

Phí ban đầu tối đa	Năm hợp đồng					
	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản	85%	65%	25%	0%	0%	0%
% Khoản đầu tư thêm	2%					1%

- **Phí quản lý quỹ** là khoản phí để chi trả cho hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ liên kết đơn vị. Phí quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ % tổng tài sản của Quỹ và được khấu trừ trước khi công bố Giá đơn vị quỹ.

Quỹ liên kết đơn vị	Quỹ năng động	Quỹ cân bằng	Quỹ ổn định
Phí quản lý quỹ tối đa	2,5%	2,0%	1,5%

- **Phí chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị:** trong mỗi năm hợp đồng, Quý khách sẽ được miễn Phí chuyển đổi quỹ cho 5 lần yêu cầu chuyển đổi đầu tiên. Từ lần chuyển đổi thứ 6 trở đi, Phí chuyển đổi quỹ là 50.000 đồng cho mỗi lần chuyển đổi và được trừ từ số tiền bán các Đơn vị quỹ của Quỹ chuyển trước khi mua Đơn vị quỹ của Quỹ nhận.
- **Phí rút tiền từ Giá trị quỹ hợp đồng:** không áp dụng Phí rút tiền từ cả Tài khoản bảo hiểm và Tài khoản đầu tư thêm.
- **Phí chấm dứt hợp đồng** là khoản phí khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trước hạn và chỉ áp dụng trên Tài khoản bảo hiểm. Phí chấm dứt hợp đồng được tính theo % Phí bảo hiểm cơ bản 1 năm và áp dụng tại năm mà Hợp đồng mất hiệu lực hoặc chấm dứt hiệu lực theo bảng sau:

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Năm hợp đồng	1-3	4	5	6	7	8	9	10+
Phí chấm dứt hợp đồng	100%	90%	80%	70%	60%	40%	20%	0%

8.4. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Quý khách:

- (a) Thay đổi tên Quỹ liên kết đơn vị;
- (b) Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- (c) Chia tách hoặc sáp nhập các đơn vị Quỹ liên kết đơn vị hiện có;
- (d) Ngừng định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang thực hiện giao dịch đầu tư tạm thời bị đình chỉ giao dịch;
- (e) Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Khi thực hiện các biện pháp (a), (b), (c) và (e), FWD sẽ thông báo cho Quý khách bằng văn bản ít nhất 3 ngày trước khi áp dụng.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Minh họa số: 118902000065

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

DANH SÁCH 80 BỆNH HIỂM NGHÈO (áp dụng cho sản phẩm FWD CARE BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO 2.0)

Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo	Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo
Ung thư/ Rối loạn sản tủy xương hay Xơ hóa tủy xương	1. Bệnh Ung thư giai đoạn đầu 2. Hội chứng loạn sản tủy xương hay Xơ hóa tủy xương	1. Bệnh Ung thư giai đoạn sau	Phẫu thuật cắt bỏ một bên thận/ Suy thận giai đoạn cuối	18. Phẫu thuật cắt thận/cắt bỏ một bên thận	11. Suy thận mãn giai đoạn cuối
Bệnh của động mạch vành/ Điều trị can thiệp mạch vành/ Đặt máy điều trị rối loạn nhịp tim	3. Thủ thuật nong mạch vành hoặc can thiệp mạch vành qua da (PCI) để điều trị bệnh lý hai động mạch vành 4. Đặt máy khử rung tim 5. Đặt máy tạo nhịp tim	2. Nhồi máu cơ tim cấp 3. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 4. Bệnh động mạch vành nặng	Bỏng	19. Bỏng – mức độ vừa và nặng	12. Bỏng nặng
Phẫu thuật động mạch cảnh/ Động mạch não/ Đặt ống thông não bộ/ Đột quỵ	6. Phẫu thuật động mạch cảnh 7. Phẫu thuật dị dạng mạch máu não (AVM)/ phình mạch máu não 8. Đặt ống thông não bộ (shunt)	5. Tai biến mạch máu não (Đột quỵ)	Phẫu thuật gan/ Bệnh gan	20. Phẫu thuật gan 21. Xơ gan	13. Suy gan giai đoạn cuối. 14. Viêm gan bạo phát
Phẫu thuật van tim	9. Phẫu thuật van tim qua da	6. Phẫu thuật hở điều trị bệnh lý van tim.	Tăng áp lực động mạch phổi	22. Tăng áp lực động mạch phổi thứ phát	15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát
Phình động mạch chủ/ Phẫu thuật động mạch chủ	10. Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu động mạch chủ 11. Phình động mạch chủ không triệu chứng	7. Phẫu thuật động mạch chủ hở	Hôn mê	23. Hôn mê sâu – 72 giờ	16. Hôn mê sâu – 96 giờ
Điếc/ Phẫu thuật cấy ghép ốc tai	12. Mất thính lực một phần 13. Phẫu thuật Cấy ghép ốc Tai	8. Mất thính lực hoàn toàn (Điếc hoàn toàn)	Mù hoàn toàn/ Ghép giác mạc	24. Mù 1 mắt hoàn toàn 25. Ghép giác mạc	17. Mù 2 mắt hoàn toàn
Bệnh phổi/ Cắt một bên phổi/ Đặt màng lọc tĩnh mạch chủ/ Mờ khí quản/ Hen ác tính	14. Phẫu thuật cắt một bên phổi 15. Mờ khí quản kéo dài 16. Hen phế quản nặng/ Hen phế quản ác tính	9. Bệnh phổi giai đoạn cuối	Phẫu thuật điều trị Viêm màng ngoài tim co thắt/ Phi đại cơ tim/ Bệnh lý cơ tim	26. Phẫu thuật điều trị Viêm màng ngoài tim co thắt 27. Phẫu thuật điều trị phi đại cơ tim	18. Bệnh lý cơ tim
Ghép ruột non/ Ghép tạng	17. Ghép ruột non	10. Phẫu thuật ghép tạng chủ	Bệnh Parkinson	28. Bệnh Parkinson giai đoạn đầu	19. Bệnh Parkinson giai đoạn muộn

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

DANH SÁCH 80 BỆNH HIỂM NGHÈO (áp dụng cho sản phẩm FWD CARE BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO 2.0) (tiếp theo)

Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo	Loại bệnh hiểm nghèo	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	Bệnh hiểm nghèo
Liệt/ Cụt chi	29. Liệt/ Cụt 1 chi	20. Liệt/ Cụt 2 chi	Suy tuyến thượng thận mạn tính nguyên phát/ Bệnh Addison		34. Suy tuyến thượng thận mạn tính nguyên phát/ Bệnh Addison
Phẫu thuật U tuyến yên/ U màng não tủy/ Phẫu thuật điều trị động kinh/ U lành ở não	30. Phẫu thuật u tuyến yên 31. Phẫu thuật cắt bỏ khối u màng não tủy 32. Phẫu thuật điều trị động kinh kháng thuốc	21. U não lành tính	Viêm tủy mạn tính tái phát		35. Viêm tủy mạn tính tái phát
Phẫu thuật điều trị gãy xương do loãng xương/ Viêm đa khớp dạng thấp nặng	33. Phẫu thuật điều trị gãy xương do loãng xương	22. Viêm đa khớp dạng thấp nặng	Xơ cứng rải rác		36. Xơ cứng rải rác
Thiếu máu bất sản		23. Thiếu máu bất sản	Bệnh loạn dưỡng cơ		37. Bệnh loạn dưỡng cơ
Nhiễm vi-rút Suy giảm miễn dịch ở người (HIV) do nghề nghiệp là nhân viên y tế		24. Nhiễm vi-rút Suy giảm miễn dịch ở người (HIV) do nghề nghiệp là nhân viên y tế	Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ trầm trọng		38. Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ trầm trọng
Bệnh chân voi		25. Bệnh chân voi	Bệnh tế bào thần kinh vận động		39. Bệnh tế bào thần kinh vận động
Nhiễm HIV do truyền máu		26. Nhiễm HIV do truyền máu	Viêm não		40. Viêm não
Cấy ghép tủy xương		27. Cấy ghép tủy xương	Bệnh bại liệt		41. Bệnh bại liệt
Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng Viêm thận do Lupus		28. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng Viêm thận do Lupus	Viêm màng não do vi khuẩn		42. Viêm màng não do vi khuẩn
Bệnh nang ở tủy thận		29. Bệnh nang ở tủy thận	Mất khả năng sống tự lập		43. Mất khả năng sống tự lập
Hội chứng Eisenmenger		30. Hội chứng Eisenmenger nghiêm trọng	Hội chứng Apallic		44. Hội chứng Apallic
Bệnh Kawasaki với biến chứng tim		31. Bệnh Kawasaki với biến chứng tim	Phẫu thuật não		45. Phẫu thuật não
Bệnh Still		32. Bệnh Still	Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)		46. Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)
Xơ cứng bì tiến triển		33. Xơ cứng bì tiến triển	Câm		47. Câm

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi, Bên mua bảo hiểm, xác nhận đã được Tư vấn tài chính (i) phân tích nhu cầu và khả năng tài chính, (ii) khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro và (iii) tư vấn đầy đủ về Quy tắc, điều khoản và quyền lợi của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ đính kèm minh họa trong tài liệu này.
- Tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị là một cam kết dài hạn và các khoản phí phải trả có thể là rất cao trong thời gian đầu của hợp đồng.
- Bằng việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã đọc và hiểu rõ về (các) sản phẩm bảo hiểm minh họa trong tài liệu này và nhận thức rõ được các quyền lợi bảo hiểm, quyền lợi đầu tư, rủi ro đầu tư, các khoản phí phải đóng và tôi đồng ý tham gia các sản phẩm bảo hiểm này.

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH

- Tôi, Tư vấn tài chính, bằng việc ký tên dưới đây, xác nhận rằng chính tôi đã phân tích nhu cầu, khả năng tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của Bên mua bảo hiểm. Tôi đã giải thích đầy đủ, trung thực cho Bên mua bảo hiểm về chi tiết của tài liệu Minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Chữ ký/xác nhận của Bên mua bảo hiểm

Chữ ký/xác nhận của Tư vấn tài chính

OTP xác thực lúc:

OTP xác thực lúc:

Họ và tên: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên: CTY BHNT FWD VIETNAM

Ngày :

Ngày :

Minh họa quyền lợi bảo hiểm này có giá trị khi có đầy đủ các trang và chữ ký của Bên mua bảo hiểm.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN MINH PHÚ

Họ và tên Tư vấn tài chính: CTY BHNT FWD VIETNAM

Minh họa số: 118902000065

Mã số Tư vấn tài chính: 08910003

Ngày: 23/03/2021 14:51 CH